

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”
và “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Công Quyền**;

2/ Bà **Bùi Thị Hoa Mai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2017/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thúy H**, sinh năm: 1974 (có mặt); địa chỉ: Số a, ấp T, xã N, huyện DMC, tỉnh TN.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Mộng T**, sinh năm: 1970 (có mặt); địa chỉ: Số b, đường T, khu phố c, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1970 (vắng mặt); địa chỉ: Số b, đường T, khu phố c, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2017 của nguyên đơn – chị Phạm Thúy H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H trình bày:

Chị quen biết với vợ chồng chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T thông qua việc mua bán, chị T bán kim chỉ, còn chị H là thợ may.

Vào ngày 03/8/2015 (âm lịch) tức là ngày 15/9/2015 (dương lịch), chị T có vay của chị H số tiền là 80.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng. Hai bên có làm 01 tờ biên nhận số tiền 80.000.000 đồng này do chị T viết tay và ký tên. Kể từ ngày vay đến nay, chị H đã nhận lại được 5.000.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng tiền gốc, hiện chị T còn nợ chị H số tiền gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Mục đích chị T vay tiền là để kinh doanh quán cà phê.

Ngoài ra, chị T còn tham gia chơi hụi do chị H làm chủ hụi, chị T còn nợ chị H số tiền hụi tổng cộng là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng). Các phần hụi mà chị T còn nợ tiền của chị H cụ thể như sau:

1/ Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, ngày mở hụi là 09/7/2015 (âm lịch) tức là ngày 22/8/2015 (dương lịch), gồm 28 phần, ngày mãn hụi là 09/10/2017 (âm lịch) tức là ngày 26/11/2017, mở hụi 01 lần/tháng: Chị T tham gia 01 phần và đã hốt hụi lần đầu vào ngày 09/7/2015 (âm lịch) tức là ngày 22/8/2015 (dương lịch), kêu lời 550.000 đồng, lĩnh hụi được 38.250.000 đồng (đã trừ tiền huê hồng 900.000 đồng). Chị T đóng hụi chết được 20 lần với số tiền là 40.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ lại 07 lần hụi chết với số tiền là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

2/ Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, ngày mở hụi là 22/4/2016 (âm lịch) tức là ngày 28/5/2016 (dương lịch), gồm 26 phần, ngày mãn hụi là 22/5/2018 (âm lịch) tức là ngày 05/7/2018 (dương lịch), mở hụi 01 lần/tháng: Chị T tham gia 01 phần và đã hốt hụi lần đầu vào ngày 22/4/2016 (âm lịch) tức là ngày 28/5/2016 (dương lịch), kêu lời 1.500.000 đồng, lĩnh hụi được 85.250.000 đồng (đã trừ tiền huê hồng 2.250.000 đồng). Chị T đóng hụi chết được 10 lần với số tiền là 50.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ lại 15 lần hụi chết với số tiền là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

3/ Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, ngày mở hụi là 02/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 01/11/2016 (dương lịch), gồm 25 phần, ngày mãn hụi là 02/10/2018 (âm lịch) tức là ngày 08/11/2018 (dương lịch), mở hụi 01 lần/tháng: Chị T tham gia 01 phần và đã hốt hụi lần đầu vào ngày 02/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 01/11/2016 (dương lịch), kêu lời 550.000 đồng, lĩnh hụi được 33.900.000 đồng (đã trừ tiền huê hồng 900.000 đồng). Chị T đóng hụi chết được 05 lần với số tiền là 10.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ lại 19 lần hụi chết với số tiền là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

4/ Hụi tháng mệnh giá 5.000.000 đồng, ngày mở hụi là 16/11/2016 (âm lịch) tức là ngày 14/12/2016 (dương lịch), gồm 26 phần, ngày mãn hụi là 16/12/2018 (âm lịch) tức là ngày 21/01/2019 (dương lịch), mở hụi 01 lần/tháng: Chị T tham gia 01 phần và đã hốt hụi lần đầu vào ngày 16/11/2016 (âm lịch) tức là ngày 14/12/2016 (dương lịch), kêu lời 1.600.000 đồng, lĩnh hụi được 82.750.000 đồng (đã trừ tiền huê hồng 2.200.000 đồng).

Chị T đóng hụi chết được 03 lần với số tiền là 15.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ lại 22 lần hụi chết với số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền hụi mà chị T còn nợ chị H là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Việc chị T còn nợ chị H số tiền vay 40.000.000 đồng và nợ tiền hụi là 237.000.000 đồng này, anh Nguyễn Hữu T – là chồng của chị T có biết việc này và anh T có hứa với chị H rằng anh T và chị T sẽ cùng tìm cách để thanh toán số tiền vay và tiền hụi còn nợ cho chị.

Nay chị Phạm Thúy H yêu cầu vợ chồng chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T cùng có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay gốc còn nợ lại là 40.000.000 đồng và tiền hụi còn nợ là 237.000.000 đồng, tổng cộng số tiền mà chị H yêu cầu vợ chồng chị T và anh T cùng có trách nhiệm trả cho chị là 277.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng), chị H không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay 40.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai, các Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn – chị Lê Thị Mộng T trình bày:

Chị T thống nhất với toàn bộ nội dung của chị H đã trình bày nêu trên, hiện chị còn nợ chị H số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tiền hụi còn nợ là 237.000.000 đồng, tổng cộng là 277.000.000 đồng, mục đích chị vay tiền và góp hụi của chị H nhằm trả tiền lãi cho người khác và mua bán kim chi.

Do chị bị vỡ nợ nên không có khả năng tiếp tục đóng tiền hụi đúng kỳ cho chị H. Việc chị vay tiền và tham gia chơi hụi, chồng chị là anh T không biết nên việc chị còn nợ chị H số tiền vay 40.000.000 đồng và nợ tiền hụi là 237.000.000 đồng thì anh Nguyễn Hữu T – là chồng của chị cũng không biết.

Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị và anh T cùng có trách nhiệm trả cho chị H tổng số tiền vay và tiền hụi là 277.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng) và chị H không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay còn nợ 40.000.000 đồng thì chị T cũng đồng ý trả nợ cho chị H. Chị T sẽ trả nợ bằng cách bán tài sản cụ thể là 01 căn nhà số b, đường T, khu phố c, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN nhưng chị đồng ý một mình đứng ra trả nợ cho chị H số tiền này, chị không yêu cầu anh T cùng chị trả nợ cho chị H.

**** Anh Nguyễn Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tổng đạt hợp lệ cho anh T phải đến Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện này nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.***

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:***

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị T vay tiền và góp hụi của chị H nhằm mục đích đáp ứng các nhu cầu thiết trong gia đình. Mặt khác chị T và anh T hiện vẫn còn là

vợ chồng và đây là số tiền vay và tiền hui lớn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở. Vì vậy, chị T và anh T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị H là đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T có nơi cư trú tại số b, khu phố c, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 03/8/2015 (âm lịch) tức là ngày 15/9/2015 (dương lịch) chị H có chị T vay tiền, chị T trực tiếp nhận tiền và làm giấy viết tay, ký tên tờ biên nhận nợ chị H số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), lãi suất là 4%/tháng. Từ ngày vay đến nay, chị H đã nhận lại được 5.000.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng tiền gốc, hiện chị T còn nợ chị H số tiền gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Mục đích chị T vay tiền là để kinh doanh quán cà phê, do chị H không thực hiện việc trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Đây là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Giữa chị H và chị T có giao dịch góp hui từ năm 2015, chị H là chủ hui, chị T là hui viên, chị T có tham gia vào hui của chị H tổng cộng là 04 phần hui, chị H và chị T đều thống nhất số tiền nợ hui là 237.000.000 đồng, do chị H không thực hiện việc trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Đây là “tranh chấp hợp đồng góp hui” được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét về nghĩa vụ thanh toán: Thấy rằng, việc vay tiền và góp hui giữa chị H, chị T là có thật vì hai bên đều thừa nhận và có biên nhận nợ. Chị H, chị T có thỏa thuận trả nợ nhưng chị T không thực hiện được việc trả nợ và đến nay chị T vẫn chưa trả nợ cho chị H, do đó chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Chị H cho rằng chị T vay tiền và góp hui là nhằm mục đích kinh doanh quán cà phê đáp ứng nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt trong gia đình, riêng chị T cho rằng việc vay tiền và góp hui nhằm trả tiền lãi cho người khác, đóng tiền hui và mua bán kim chỉ, số tiền vay và tiền hui này không liên quan đến anh T nên chị T không yêu cầu anh T cùng chị trả nợ cho chị H. Xét thấy chị T và anh T vẫn còn là vợ chồng, chị T vay tiền để kinh doanh kim chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết trong gia đình, đây là số tiền vay và

tiền hui lớn, theo quy định tại Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới về các giao dịch, các nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc chị H khởi kiện yêu cầu chị T và anh T cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay và tiền hui còn nợ tổng cộng là 277.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định của pháp luật. Ghi nhận chị H không yêu cầu vợ chồng chị T, anh T trả tiền lãi của số tiền vay.

[4] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Chị T, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thúy H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Tranh chấp hợp đồng góp hui” đối với chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T.

Buộc chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thúy H số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và số tiền nợ hui là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng), tổng cộng số tiền là 277.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng), ghi nhận chị H không yêu cầu chị T và anh T trả tiền lãi của số tiền vay.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T và anh T còn phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T phải chịu 13.850.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Phạm Thúy H số tiền 7.925.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003981 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho chị H, chị T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG MỸ HUYỀN